
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM QUỐC TẾ

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2008

NỘI DUNG

1. Tổng quan công ty	2
2. Những sự kiện quan trọng trong quá trình hình thành phát triển của công ty	3
3. Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh	6
4. Kết quả hoạt động kinh doanh	8
5. Báo cáo của Hội đồng Quản trị và ban giám đốc	9
6. Danh sách thành viên chủ chốt của công ty	11
7. Những biến động làm ảnh hưởng đến kết quả HĐSXKD năm 2008	12
8. Danh mục nhãn hiệu	15
9. Một số sản phẩm chính của công ty	16
10. Sản phẩm mới của công ty	17
11. Chiến lược đầu tư và phát triển	19
12. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2009	20
13. Một số chỉ tiêu tài chính về hoạt động kinh doanh	21

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM QUỐC TẾ Năm báo cáo: năm 2008

1. TỔNG QUAN CÔNG TY

Giới thiệu chung

Công ty Cổ phần Thực Phẩm Quốc Tế là một công ty được niêm yết tại trung tâm giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HoSE), qua biểu tượng "IFS". Công ty sản xuất và bán các sản phẩm nước giải khát và thực phẩm dưới thương hiệu riêng của mình. "WONDERFARM" là thương hiệu chính của công ty và cũng là thương hiệu quen thuộc được người tiêu dùng tin cậy tại Việt Nam. Công ty được thành lập vào năm 1991 như là một chi nhánh của một công ty Malaysia. Vui lòng truy cập www.wonderfarmonline.com.

Hoạt động chính của công ty:

Hoạt động chính của công ty là chế biến nông sản, thủy sản thành sản phẩm đóng hộp, sấy khô, ướp đông, được muối, được ngâm dấm; sản xuất bánh quy, thức ăn nhẹ, nước ép trái cây có ga và nước ép trái cây có độ cồn thấp dưới 5%, nước tinh lọc đóng chai và sản xuất chai nhựa PET.

Nhiệm vụ

- Cung cấp các sản phẩm giàu dinh dưỡng, chất lượng cho người tiêu dùng
- Để cung cấp giá trị bền vững cho các bên liên quan có trách nhiệm cân bằng tổng thể
- Góp phần vào sự phát triển con người và nền kinh tế Việt Nam

Mục tiêu

- Là công ty chế biến thực phẩm và nước giải khát hàng đầu ở Đông Nam Á

Tiêu chí

- **Nhãn hiệu** : Chủ động xây dựng thương hiệu của chúng tôi trở thành thương hiệu đáng tin cậy trên thị trường
- **Khách hàng** : Chăm sóc nhu cầu và dự đoán những xu hướng tiêu dùng của khách hàng
- **Đối tác** : Xây dựng một mạng lưới mạnh với các đối tác tin cậy
- **Nhân viên** : Tạo một môi trường làm việc tốt nhất để nhân viên phát huy hết những khả năng sáng tạo
- **Sản phẩm** : Duy trì việc đầu tư nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới theo xu hướng chất lượng và dinh dưỡng
- **Cổ đông** : Tối đa hoá giá trị cổ đông, tự tin và ấn tượng

Cuối cùng, chúng tôi tự hào chúng tôi là ai và những gì chúng tôi làm.

2. NHỮNG SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY

1991	
	<p>Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (trước đây gọi là Công ty Công nghiệp Chế biến Thực phẩm Quốc tế) - tên tiếng Anh là Interfood Shareholding Company - (“Công ty” hoặc “IFPI” hoặc “IFS”) được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam với thời gian hoạt động là 40 năm theo Giấy phép Đầu tư số 270/GP ngày 16 tháng 11 năm 1991. Công ty hoàn toàn sở hữu bởi Trade Ocean Holdings Sdn. Bhd. Trade Ocean Holdings Sdn. Bhd. (TOH) là một công ty hữu hạn tư nhân chuyên về đầu tư (Investment Holdings), thành lập và đăng ký tại Malaysia vào ngày 9/12/1991. Công ty không có ngành nghề kinh doanh khác cũng như mâu thuẫn về lợi ích kinh tế với Interfood.</p> <p>Hoạt động chính của Công ty là chế biến nông sản, thủy sản thành sản phẩm đóng hộp, sấy khô, ướp đông, muối và ngâm dấm để xuất khẩu với tổng vốn đầu tư ban đầu là 1.140.000 USD.</p>
	1994
Năm 1994, Công ty mở rộng kinh doanh bằng việc thâm nhập vào thị trường bánh bích qui.	
2003	
	Sau đó, năm 2003, Công ty được phép Sản xuất các sản phẩm nước trái cây có gaz và nước trái cây có độ cồn nhẹ; vốn đầu tư của Công ty tăng lên 23.000.000 USD.

	2004
<p>Tháng 4/2004, Interfood ký hợp đồng sản xuất với Công ty AVA Food Industries Ltd. để giảm bớt sự hạn chế về mặt bằng, nhà xưởng và vật tư tại nhà máy Biên Hòa, theo đó, AVA sẽ cung cấp mặt bằng sản xuất và Interfood sẽ cung cấp máy móc và kỹ thuật.</p>	
2005	
	<p>Tháng 1 năm 2005, công ty được phép sản xuất thêm sản phẩm nước tinh khiết và chai PET; tổng vốn đầu tư tăng lên 30.000.000 USD.</p> <p>Năm 2003, Nghị định 38/2003/NĐ – CP của Chính phủ Về việc chuyển đổi một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần được ban hành. IFPI là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được Bộ Kế hoạch Đầu tư chấp thuận. Từ ngày 09/08/2005, Công ty Công nghiệp Chế biến Thực phẩm Quốc tế được chuyển thành Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (Interfood) theo Giấy phép số 270 CPH/GP của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Tổng vốn đầu tư của Công ty là 30,000,000 đô la Mỹ và vốn điều lệ là 13,000,000 đô la Mỹ. Tổng cộng cổ phiếu của Công ty là 13,000,000 cổ phiếu với mệnh giá là 1 đô la Mỹ trên một cổ phiếu được nắm giữ bởi bốn cổ đông sáng lập.</p>
	2006
<p>Công ty chuyển trụ sở và nhà máy chính đến địa điểm mới là Khu Công nghiệp Tam Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.</p> <p>Trong cùng năm, ngày 17 tháng 10 năm 2006, Công ty niêm yết 3,620,560 cổ phần mới tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Cổ phiếu đã được bán dưới</p>	

mã “IFS” tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.	
2007	
	<p>Ngày 16 tháng 10 năm 2007, Công ty phát hành cổ phiếu thưởng theo tỉ lệ 5:1 với tổng số cổ phiếu phát hành thêm là 6.875.359. Trong đó số lượng cổ phiếu niêm yết bổ sung thêm tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là 1.145.887 cổ phiếu theo Thư chấp thuận số 936/UBCK-QLPH của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 27 tháng 06 năm 2007; theo đó, tổng số cổ phiếu của Công ty hiện đang được niêm yết là 6.875.359 cổ phiếu.</p> <p>Công ty con, AVA Food, đã chuyển đổi thành Công ty Cổ phần dưới tên gọi Công ty Cổ phần Thực phẩm AVA. Hoạt động chính của AVA là sản xuất thực phẩm chế biến gồm nước trái cây giải khát, nước uống tinh khiết, bánh mứt kẹo các loại; các sản phẩm chế biến từ nông sản, thủy hải sản, gia cầm; và cho thuê nhà xưởng.</p>
	2008
<p>Trong năm 2008, Công ty đã thành lập Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Bao bì Thực phẩm Quốc tế (trước đây gọi là Công ty Cổ phần Bao bì Thực phẩm Quốc tế) là công ty con có 90% vốn thuộc sở hữu của Công ty, với tổng vốn đầu tư và vốn điều lệ lần lượt là 32 triệu đô la Mỹ và 10 triệu đô la Mỹ. Hoạt động chính của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Bao bì Thực phẩm Quốc tế là sản xuất bao bì thực phẩm và nước giải khát.</p> <p>Vào ngày 14 tháng 2 năm 2008, Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế Miền Bắc đã được thành lập ở Bắc Ninh với tổng vốn đầu tư và vốn điều lệ lần lượt là 36 triệu đô la Mỹ và 11 triệu đô la Mỹ.</p>	

3. Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty:

a. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Tại ngày 31 tháng 12			
		2008 USD	2008 Triệu đồng	2007 USD	2007 Triệu đồng
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN	10.2	173.6	14.9	240.884
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	232.2	3.9	435.1	7.012
111	Tiền	232.2	3.9	435.1	7.012
130	Các khoản phải thu ngắn hạn	1.9	33.9	3.3	54.559
131	Phải thu khách hàng	265.3	4.5	1.0	16.923
132	Trả trước cho người bán	1.6	27.6	2.4	38.980
135	Các khoản phải thu khác	197.8	3.3	5.7	92
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(95.0)	(1.6)	(89.0)	(1.436)
140	Hàng tồn kho	7.1	122.1	10.8	174.679
141	Hàng tồn kho	7.5	128.3	11.1	179.020
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(360.3)	(6.1)	(269.3)	(4.341)
150	Tài sản ngắn hạn khác	803.4	13.6	287.5	4.634
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	150.2	2.5	7.3	119
152	Thuế GTGT được khấu trừ	445.0	7.5	7.3	119
154	Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	106.9	1.8	193.6	3.120
158	Tài sản ngắn hạn khác	101.2	1.7	79.1	1.276
200	TÀI SẢN DÀI HẠN	59.2	1.0	44.9	723.731
220	Tài sản cố định	54.8	931.9	26.4	426.313
221	Tài sản cố định hữu hình	25.5	433.0	21.8	352.062
222	Nguyên giá	35.8	609.0	30.1	485.187
223	Giá trị hao mòn lũy kế	(10.3)	(175.9)	(8.2)	(133.125)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	29.3	498.9	4.6	74.251
260	Tài sản dài hạn khác	4.3	74.4	18.4	297.418
261	Chi phí trả trước dài hạn	2.0	34.8	2.4	39.211
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.3	39.6	-	-
268	Tài sản dài hạn khác	-	-	16.0	258.207
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	69.5	1.1	59.8	964.615

		Tại ngày 31 tháng 12			
Mã số	NGUỒN VỐN	2008 USD	2008 Triệu đồng	2007 USD	2007 Triệu đồng
300	NỢ PHẢI TRẢ	59.903.298	1.016.978	36.207.488	583.448
310	Nợ ngắn hạn	58.115.710	986.630	34.639.869	558.187
311	Vay và nợ ngắn hạn	37.219.168	631.870	27.554.765	444.017
312	Phải trả người bán	10.281.541	174.549	4.506.680	72.621
313	Người mua trả tiền trước	306.285	5.200	300.225	4.838
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	821.032	13.939	29.176	470
315	Phải trả người lao động	350.880	5.956	208.912	3.367
316	W Chi phí phải trả	2.976.590	50.534	432.816	6.974
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	6.160.214	104.582	1.607.295	25.900
330	Nợ dài hạn	1.787.588	30.348	1.567.619	25.261
332	Các khoản vay dài hạn	1.628.473	27.647	1.469.063	23.673
333	Phải trả dài hạn khác	1.255	21	1.255	20
336	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	157.860	2.680	97.301	1.568
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU	9.611.128	163.168	23.654.411	381.167
410	Vốn chủ sở hữu	8.531.788	144.844	23.312.080	375.651
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	18.313.995	310.917	18.313.995	295.112
412	Thặng dư vốn cổ phần	4.082.759	69.313	4.082.759	65.790
		623.589	10.587	-	-
419	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	(1.562.092)	(26.520)	(1.562.092)	(25.172)
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(12.926.463)	(219.453)	2.477.418	39.921
500	Lợi ích của cổ đông thiểu số	1.079.340	18.324	342.331	5.516
500	Lợi ích của cổ đông thiểu số	1.079.340	18.324	342.331	5.516
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	69.514.426	1.180.146	59.861.899	964.615

4. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

	Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12			
	2008 USD	2008 Triệu đồng	2007 USD	2007 Triệu đồng
Doanh thu bán hàng	52.291.527	887.753	47.051.809	758.193
Các khoản giảm trừ doanh thu	(3.298.256)	(55.994)	(2.278.262)	(36.712)
Doanh thu thuần về bán hàng	48.993.271	831.759	44.773.547	721.481
Giá vốn hàng bán	(46.504.631)	(789.509)	(35.024.270)	(564.381)
Lợi nhuận gộp về bán hàng	2.488.640	42.250	9.749.277	157.100
Doanh thu hoạt động tài chính	760.842	12.917	288.129	4.643
Chi phí tài chính	(3.609.186)	(61.273)	(1.054.599)	(16.994)
Chi phí bán hàng	(4.059.488)	(68.918)	(2.530.550)	(40.777)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(3.316.088)	(56.297)	(2.006.255)	(32.329)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(7.735.280)	(131.321)	4.446.002	71.643
(Lỗ)/thu nhập khác	(10.173.421)	(172.714)	196.507	3.167
Tổng (lỗ)/lợi nhuận thuần kế toán trước thuế	(17.908.701)	(304.035)	4.642.509	74.810
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(95.236)	(1.617)	(405.586)	(6.536)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	2.337.065	39.676	-	-
(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN	(15.666.872)	(265.976)	4.236.923	68.274
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	262.991	4.465	(15.897)	(256)
(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	(15.403.881)	(261.511)	4.221.026	68.018
	USD	Việt Nam Đồng	USD	Việt Nam Đồng
(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu	(0,529)	(8.981)	0,144	2.320

5. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

a. Khái quát chung về công ty :

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (trước đây gọi là Công ty Công nghiệp Chế biến Thực phẩm Quốc tế) - tên tiếng Anh là Interfood Shareholding Company - (“Công ty”) được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam với thời gian hoạt động là 50 năm theo Giấy phép Đầu tư số 270/GP ngày 16 tháng 11 năm 1991. Công ty hoàn toàn được sở hữu bởi Trade Ocean Holdings Sdn. Bhd., một công ty được thành lập ở Malaysia.

Giấy phép Đầu tư điều chỉnh số 270 CPH/GP ngày 9 tháng 8 năm 2005 cho phép Công ty được chuyển đổi sang hình thức Công ty cổ phần với vốn sở hữu nước ngoài dưới tên gọi Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế. Tổng vốn đầu tư của Công ty là 30.000.000 đô la Mỹ và vốn điều lệ là 13.000.000 đô la Mỹ. Tổng cộng cổ phiếu của Công ty là 13.000.000 cổ phiếu với mệnh giá là 1 đô la Mỹ/cổ phiếu được nắm giữ bởi bốn cổ đông sáng lập.

Giấy phép Đầu tư điều chỉnh số 270 CPH/GPĐC2 ngày 15 tháng 6 năm 2006 cho phép Công ty thay đổi mệnh giá cổ phiếu từ 1 đô la Mỹ/cổ phiếu thành 10.000 đồng Việt Nam/cổ phiếu và vốn điều lệ của Công ty chuyển từ 13.000.000 đô la Mỹ thành 206.336.000 ngàn đồng Việt Nam. Theo đó, tổng cộng cổ phiếu của Công ty chuyển từ 13.000.000 cổ phiếu với mệnh giá 1 đô la Mỹ/cổ phiếu thành 20.633.600 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 đồng Việt Nam/cổ phiếu.

Giấy phép Đầu tư điều chỉnh số 270 CPH/GCND3 ngày 23 tháng 8 năm 2006 cho phép Công ty tăng vốn điều lệ thành 242.841.600 ngàn đồng Việt Nam. Tổng cộng cổ phiếu của Công ty tăng thành 24.284.160 cổ phiếu thông qua việc đăng ký và phát hành thêm 3.620.560 cổ phiếu mới.

Ngày 17 tháng 10 năm 2006, Công ty niêm yết 3.620.560 cổ phần mới đã được đề cập ở trên tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh sau khi nhận được Giấy phép Niêm yết số 61/UBCK-GPNY cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 29 tháng 9 năm 2006 cho việc niêm yết. Theo Giấy phép Niêm yết, các cổ đông sáng lập cũng được cho phép bán 2.108.912 cổ phiếu ra công chúng. Tổng số cổ phiếu niêm yết là 5.729.472 cổ phiếu.

Theo Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh số 472033000328 ngày 28 tháng 11 năm 2007 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai cấp, tổng vốn đầu tư của Công ty là 144.450 tỷ đồng Việt Nam, tương đương 90 triệu đô la Mỹ. Vốn điều lệ của Công ty là 291.409.920 ngàn đồng Việt Nam. Tổng cộng cổ phiếu của Công ty tăng thành 29.140.992 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 đồng Việt Nam/cổ phiếu thông qua việc đăng ký và phát hành thêm 4.820.832 cổ phiếu mới, trong số đó có 1.145.887 cổ phiếu được phép niêm yết. Theo đó, tổng số cổ phiếu đang được niêm yết là 6.875.359 cổ phiếu.

Hoạt động chính của Công ty là chế biến nông sản, thủy sản thành sản phẩm đóng hộp, sấy khô, ướp đông, được muối, được ngâm dấm; sản xuất bánh quy, thức ăn nhẹ, nước ép trái cây có gas và nước ép trái cây có độ cồn thấp dưới 5%, nước tinh lọc đóng chai và sản xuất chai nhựa PET; sản xuất bao bì dùng cho thực phẩm và nước giải khát.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2007, Công ty đã mua 90% phần vốn góp của Công ty Cổ phần Thực phẩm AVA (trước đây là Công ty Công nghiệp Thực phẩm AVA) (“AVA”) thuộc sở hữu của Wonderfarm Biscuits & Confectionery Sdn. Bhd. theo mệnh giá cổ phiếu.

Giấy chứng nhận đầu tư số 472033000355 ngày 31 tháng 12 năm 2007 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai cấp cho phép AVA chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần dưới tên gọi Công ty Cổ phần Thực phẩm AVA với tổng vốn đầu tư là 259.200 triệu đồng Việt Nam, tương đương 16 triệu đô la Mỹ. Vốn điều lệ của AVA là 81.000 triệu đồng Việt Nam, tương đương 5 triệu đô la Mỹ. Tổng cộng số cổ phiếu của AVA là 8.100.000 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 đồng Việt Nam/cổ phiếu.

Hoạt động chính của AVA là sản xuất thực phẩm chế biến gồm nước trái cây giải khát, nước uống tinh khiết, bánh mứt kẹo các loại; các sản phẩm chế biến từ nông sản, thủy hải sản, gia cầm; và cho thuê nhà xưởng.

Trong năm 2008, Công ty đã thành lập Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Bao bì Thực phẩm Quốc tế (trước đây gọi là Công ty Cổ phần Bao bì Thực phẩm Quốc tế) là công ty con có 90% vốn thuộc sở hữu của Công ty. Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Bao bì Thực phẩm Quốc tế được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 472033000464 ngày 6 tháng 5 năm 2008 được cấp bởi Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai với thời hạn là 46 năm kể từ ngày của Giấy Chứng nhận đầu tư đầu tiên.

Theo Giấy Chứng nhận Đầu tư thay đổi số 472043000464 ngày 24 tháng 12 năm 2008, Công ty Cổ phần Bao bì Thực phẩm Quốc tế được chuyển sang hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên dưới tên gọi Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Bao bì Thực phẩm Quốc tế với tổng vốn đầu tư là 513.600 triệu đồng Việt Nam, tương đương 32 triệu đô la Mỹ. Vốn điều lệ của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Bao bì Thực phẩm Quốc tế là 160.050 triệu đồng Việt Nam, tương đương 10 triệu đô la Mỹ.

Hoạt động chính của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Bao bì Thực phẩm Quốc tế là sản xuất bao bì thực phẩm và nước giải khát.

Vào ngày 14 tháng 2 năm 2008, Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế Miền Bắc đã được Ban quản lý Khu Công nghiệp Bắc Ninh cho phép thành lập theo Giấy Chứng nhận đầu tư số 212032.000111 có thời hạn 50 năm với tổng vốn đầu tư là 36 triệu đô la Mỹ và vốn điều lệ là 11 triệu đô la Mỹ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế vẫn chưa góp vốn vào Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế Miền Bắc.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, nhóm công ty có 1.425 nhân viên (năm 2007: 1.317 nhân viên).

6. DANH SÁCH THÀNH VIÊN CHỦ CHỐT CỦA CÔNG TY

Hội đồng quản trị Công ty:

Số TT	Họ và tên	Chức vụ
1	PANG TEE CHIANG	Chủ tịch HĐQT
2	NGUYỄN THỊ KIM LIÊN	Thành viên
3	YAU HAU JAN	Thành viên
4	PANG TZE YI	Thành viên
5	TENG PO WEN	Thành viên

Ban giám đốc Công ty:

Số TT	Họ và tên	Chức vụ
1	PANG TEE CHIANG	Tổng giám đốc
2	YAU HAU JAN	Phó tổng giám đốc
3	NGUYỄN THỊ KIM LIÊN	Giám đốc tài chính

Ban kiểm soát

Số TT	Họ và tên	Chức vụ
1	THÁI NGỌC ĐÌNH	Trưởng ban
2	SAW HENG SOO	Thành viên
3	DAN SO GIANG	Thành viên

7. NHỮNG BIẾN ĐỘNG LÀM ẢNH HƯỞNG ĐẾN KẾT QUẢ HĐSXKD NĂM 2008

Trong năm 2008, do ảnh hưởng tình hình lạm phát và thất thối tiền tệ từ nền kinh tế Việt Nam và tình hình khủng hoảng tài chính toàn cầu, vì vậy kết quả tài chính của IFS cũng bị ảnh hưởng. Các nhân tố chính ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của nhóm công ty Interfood trong năm 2008 như sau:

- * Sự cố hàm lượng melamine vượt quá mức độ cho phép trong sản phẩm bánh (Công ty phải nghiên cứu lại giá cả và kết hợp với việc kêu gọi các nhà cung cấp có liên quan đến tình huống này cùng giải quyết).

- * Lạm phát cao làm cho chi phí nguyên vật liệu đầu vào, bao bì và nhiên liệu tăng cao.

- * Chi phí nhân công tăng cao do ảnh hưởng chính sách tiền lương Chính phủ.

- * Biến động tăng về giá xăng dầu làm cho các chi phí liên quan đến vận chuyển tăng cao.

- * Chi phí sản xuất tăng do giá nhiên liệu tăng.

- * Lãi suất ngân hàng cho các khoản vay tăng cao làm chi phí tiền lãi tăng.

- * Biến động tỉ giá ngoại tệ làm chi phí vay ngân hàng và chi phí nguyên vật liệu có nguồn gốc nhập khẩu tăng.

- * Việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp không thành công.

7.1. Các nhân tố chính ảnh hưởng đến doanh thu:

Trong quý 4 năm 2008, công ty gặp phải sự cố liên quan đến một số sản phẩm bánh có hàm lượng chất melamine vượt quá mức độ cho phép.

Tuy nhiên do thông tin sai lệch từ các cơ quan và phương tiện thông tin đại chúng liên quan đã gây ảnh hưởng khá nghiêm trọng đối với sản xuất và kinh doanh của công ty (đặc biệt là các sản phẩm bánh của công ty), công ty phải thu hồi toàn bộ các sản phẩm từ thị trường đối với 14 mẫu sản phẩm nghi có hàm lượng chất melamine vượt quá mức độ cho phép, đồng thời giảm sản lượng sản xuất và tiêu thụ đối với các sản phẩm này.

7.2. Các nhân tố chính ảnh hưởng đến chi phí và lợi nhuận của công ty

7.2.1. Hoạt động sản xuất kinh doanh

- Giá sinh hoạt tăng cao là nguyên nhân gây ra lạm phát tăng cao, Công ty vẫn duy trì điều chỉnh tăng lương cho người lao động, do đó chi phí nhân công của công ty trong năm 2008 tăng khoảng 15% so với năm 2007.

- Các chi phí liên quan đến xăng dầu do sự biến động tăng của giá xăng dầu trong nước và trên thế giới như chi phí nhiên liệu, vận chuyển... cũng tăng đến 30%,

- Giá mua các nguyên liệu chính của công ty như: đường, dừa, bí đao, nấm tuyết... tăng từ 10% đến 80%...

- Đặc biệt lon rỗng và bao bì nhựa, giấy chiếm tỉ lớn trong giá thành sản phẩm của công ty cũng tăng từ 10% đến 60%.

- Các chi phí liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm như chi phí khai thác thị trường, khuyến mãi, quảng cáo, huấn luyện nhân viên, lương, hoa hồng cho đội ngũ bán hàng... cũng tăng từ 30% đến 200%

7.2.2. Hoạt động tài chính:

- Trong năm 2008, công ty sử dụng hầu hết vốn tự có của mình và một phần vốn vay ngân hàng để đầu tư vào các dự án mở rộng sang lĩnh vực bao bì tại miền Bắc và miền Nam. Do đó toàn bộ chi phí hoạt động của công ty được sử dụng từ nguồn vốn vay ngân hàng.

- Trong năm, lãi vay ngân hàng tăng liên tục từ 9% lên đến 21% đối với VND và từ 4% lên đến 10% đối với đô la Mỹ, tuy nhiên trong thực tế có những lúc công ty phải vay ngân hàng với lãi vay lên đến 25% do các ngân hàng cộng thêm các loại phí cho vay. Lãi vay ngân hàng trong năm của công ty tăng cao so với năm 2007

- Mặt khác, trong năm giá trị đồng tiền Việt Nam suy yếu so với đô la Mỹ khoảng 6%, tuy nhiên có những lúc tỉ giá ngoại tệ thực tế tăng lên gần 20%; doanh thu chủ yếu của công ty từ nguồn tiêu thụ nội địa nhưng chi phí bao bì, hương liệu, hoá chất của công ty chủ yếu có nguồn gốc từ hàng nhập khẩu, các nhà cung cấp bán hàng cho công ty theo giá bán dựa vào Dollars Mỹ, do đó công ty phải chịu chi phí liên quan đến chênh lệch tỉ giá như nêu trên.

7.2.3. Hoạt động đầu tư:

- Trong năm 2008, do chính sách thắt chặt tiền tệ tại Việt Nam và khủng hoảng kinh tế toàn cầu không thể huy động được nguồn tài chính để tiếp tục các dự án đang dở dang mở rộng sang lĩnh vực bao bì tại miền Bắc và miền Nam, do đó công ty phải nhượng bán cổ phần chi phối tại công ty con tại miền Nam và trở thành cổ đông nhỏ của công ty này. Công ty tạm ngưng và thu hẹp dự án miền Bắc, chỉ thực hiện việc mở rộng trong lĩnh vực chính của công ty, không thực hiện dự án sản xuất bao bì.

- Đối với việc nhượng bán cổ phần ở dự án miền Nam (công ty TNHH Bao Bì Thực Phẩm Quốc Tế – gọi tắt là IPL), công ty đã đồng ý bán 70% vốn góp cho công ty Crown Packaging Investment Pte Ltd. với giá là 4.7 Triệu đô la Mỹ (giảm giá 2.3 triệu đô la Mỹ so với vốn góp ban đầu, phần lỗ này sẽ được hoạch toán trong năm 2009 do hợp đồng chuyển nhượng vốn góp được ký kết trong tháng 1 năm 2009). Để đáp ứng các điều kiện của hợp đồng chuyển nhượng vốn góp nêu trên, Công ty Cổ phần Thực Phẩm AVA – gọi tắt là AVA, một công ty liên hệ của Interfood – đã nhượng lại 25,300 m² đất cùng với nhà xưởng đang cho IPL thuê theo giá gốc đồng thời hủy phí thuê kho đã tính cho IPL trong năm 2008 trị giá khoảng 480 ngàn đô la Mỹ, ngược lại công ty Crown sẽ sắp xếp nguồn vốn cho IPL hoàn trả toàn bộ nợ vay của IPL cho công ty và AVA. Tổng số tiền công ty Interfood và AVA thu được cộng với khoản Chủ tịch HĐQT cho vay khoảng 20.8 triệu đô la Mỹ sau khi đã trừ khoản góp vốn bổ sung cho IPL (theo tỉ lệ 2:1). Toàn bộ số tiền thu được thanh toán giảm trừ nợ vay ngân hàng.

- Đối với dự án đầu tư tại miền Bắc công ty đã ứng tiền mua máy móc thiết bị và đặt cọc tiền thuê đất trị giá khoảng gần 10 triệu đô la Mỹ, công ty dự định dùng nguồn vốn đầu tư cho dự án này từ phát hành trái phiếu doanh nghiệp với sự bảo lãnh phát hành bởi ngân hàng ANZ chi nhánh Hà Nội, hợp đồng bảo lãnh phát hành trái phiếu đã được ký kết vào tháng 12 năm 2007, để hỗ trợ cho công ty triển khai dự án trong khi chờ đợi phát hành trái phiếu, ngân hàng ANZ còn ký kết một khoản vay bắc cầu cho công ty trị giá 18 triệu đô la Mỹ với nguồn tiền trả nợ từ việc phát hành trái phiếu trên, khoản vay này đã giải ngân được 4 triệu đô la Mỹ trong tháng 3 năm 2008. Tuy nhiên, do tình hình biến động về tài chính và tín dụng trong nước cũng như khủng hoảng tài chính trên toàn thế giới phát sinh khoảng từ quý 2 năm 2008, ngân hàng ANZ không thực hiện cam kết phát hành trái phiếu và ngưng cung cấp khoản vay

bắc cầu cho công ty, với tình hình tài chính khó khăn như vậy công ty buộc phải ngưng dự án và chịu lỗ cho các khoản đã ứng cho nhà cung cấp do vi phạm hợp đồng. Chi phí lỗ từ đầu tư vào dự án tại miền Bắc được hạch toán trong năm 2008.

7.3. Các nhân tố thuận lợi:

- Trong năm 2009, kinh tế Việt Nam vẫn được dự báo sẽ tăng trưởng khoảng 5%, theo IMF và Ngân hàng Thế giới. Dự báo kinh doanh của chúng tôi phát triển doanh thu hơn 5% do vị thế mạnh của chúng tôi trên thị trường cũng như những nỗ lực liên tục để tiếp cận gần nhất đến nhu cầu của thị trường.

- Theo báo cáo điều tra dân số mới nhất phát hành bởi chính phủ Việt Nam, dân số năm 2008 đạt 86 triệu người; tỷ lệ tăng dân số khoảng 1.2%. Việt Nam đứng thứ 13 trong các nước đông dân số nhất thế giới. Tỷ lệ đô thị hoá cũng tăng từ 25% năm 2003 lên 28% vào năm 2008. Đây là các yếu tố giúp kích thích sự phát triển của thị trường tiêu dùng và đặc biệt là ngành thực phẩm và nước giải khát.

- Lợi thế về qui mô tạo ra từ thị phần trong các phân khúc sản phẩm nước giải khát có thị phần trong thị trường nước giải khát rất cao trong đó 02 ngành hàng chủ lực nước Bì và nước Yên có mức tăng trưởng liên tục của năm 2008 so với năm 2007 hơn 30% đối với mặt hàng nước Bì, 4% đối với mặt hàng nước Yên Cạnh Tranh và 11% đối với mặt hàng Yên Đặt Biệt.

- Sở hữu thương hiệu mạnh WONDERFARM, là thương hiệu đang dẫn đầu về mức độ tin dùng và yêu thích của người tiêu dùng Việt Nam đối với sản phẩm nước giải khát.

- Sản phẩm WONDERFARM đang được bán tại hơn 110.000 địa điểm bán lẻ trên toàn quốc và chúng tôi vẫn tiếp tục phát triển và mở rộng mạng lưới phân phối để bảo đảm sự thâm nhập hơn nữa vào thị trường.

- Có mối quan hệ đối tác chiến lược bền vững với các nhà cung cấp, đảm bảo được nguồn nguyên liệu ổn định đáng tin cậy với giá cạnh tranh nhất trên thị trường;

- Công ty đầu tư liên tục cho hiện đại hóa thiết bị sản xuất, công nghệ và tiếp tục cải tiến năng suất sản xuất và giảm thiểu chi phí sản xuất chung. Công ty tiếp tục kiểm soát cấu trúc chi phí để đưa ra những giá sản phẩm hợp lý nhất để đối mặt với cạnh tranh ngày càng tăng của thị trường.

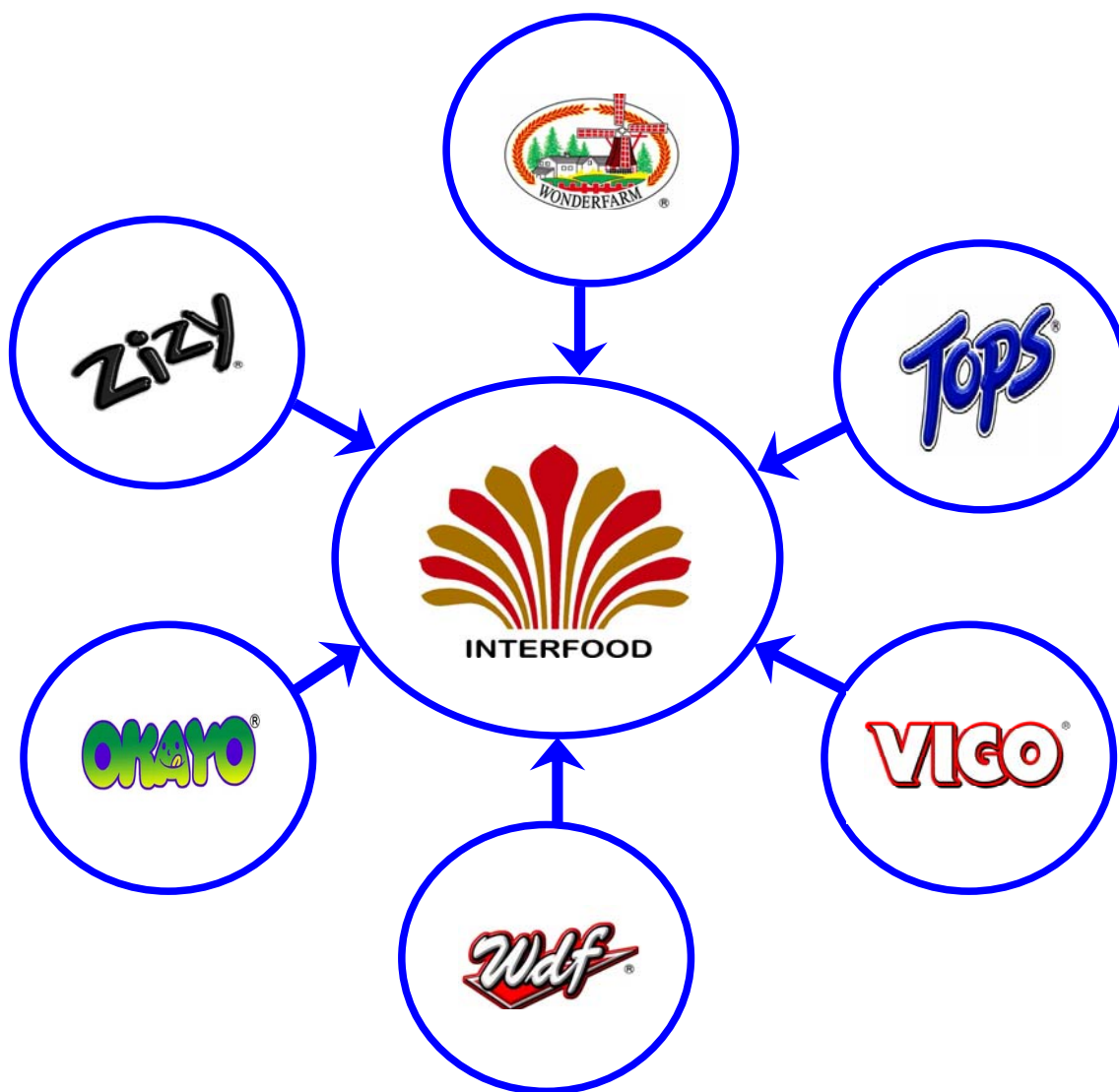
7.4. Các chính sách kiểm soát chi phí của Công ty

Công ty sử dụng hệ thống ERP để quản lý tất cả các hoạt động bao gồm các chi phí liên quan và kinh phí của mỗi quy trình. Thông qua tin học hóa Công ty có thể phân bổ nguồn lực phù hợp nhằm tối đa hiệu quả các hoạt động để đạt được các mục tiêu như: khối lượng, doanh thu và lợi nhuận. Dữ liệu kịp thời và chính xác là yếu tố quan trọng của báo cáo tài chính và hoạt động sản xuất đây là cơ sở để Ban giám đốc đưa ra các quyết định quản lý tối ưu.

Tiểu ban Công nghệ thông tin của Công ty liên tục giám sát và duy trì các hệ thống hoạt động ổn định và tiến hành sao lưu định kỳ các dữ liệu, nó là tài sản vô giá của công ty. Ngoài ra, Tiểu ban Công nghệ thông tin cũng nghiên cứu và cập nhật những công nghệ mới cho các hoạt động của hệ thống nhằm nâng cấp để tối đa hóa hiệu quả và kiểm soát của tất cả các hoạt động của Công ty, bao gồm nguồn nhân lực và quan hệ khách hàng.

8. DANH MỤC NHÃN HIỆU

06 THƯƠNG HIỆU TẠO DỰNG MỘT DOANH NGHIỆP



9.MỘT SỐ SẢN PHẨM CHÍNH CỦA CÔNG TY

	<p>Bánh qui các loại</p>		<p>Bánh xốp</p>
	<p>Nước yến đường phèn</p>		<p>Bánh Okayo</p>
	<p>Nước chanh giây đóng hộp (330ml)</p>		<p>Nước yến đóng hộp (250ml)</p>
	<p>Cà phê đóng hộp (250ml)</p>		<p>Sương sâm đóng hộp (330ml)</p>
	<p>Nước me đóng hộp (330ml)</p>		<p>Nước bí đao đóng hộp (330ml)</p>

10. SẢN PHẨM MỚI CỦA CÔNG TY

	<p>Sâm giải nhiệt (330ml)</p>		
	<p>Trà lái + trong chai PET (500ml)</p>		<p>Trà táo + trong chai PET (500ml)</p>
	<p>Trà đào + trong chai PET (500ml)</p>		<p>Trà chanh + trong chai PET (500ml)</p>

. Chính sách sản phẩm

Năng lực nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới theo xu hướng và nhu cầu tiêu dùng của thị trường;

Đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh qua thị trường của các mặt hàng nước giải khát có lợi cho sức khỏe của người tiêu dùng thông qua thương hiệu chủ lực Wonderfarm nhằm đáp ứng xu hướng tiêu dùng tăng nhanh đối với các mặt hàng nước giải khát đến từ thiên nhiên và có lợi cho sức khỏe con người;

. Kênh phân phối

Mạng lưới phân phối và bán hàng chủ động và rộng khắp cả nước cho phép các sản phẩm chủ lực của WONDERFARM có mặt tại trên 111.000 điểm bán lẻ lớn nhỏ trên toàn quốc;

Công ty duy trì đội ngũ hậu cần ở các thị trường chính như Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội. Các nhân viên phòng điều phối hàng hóa của Công ty tham gia vào quá trình cung cấp sản phẩm trong cả nước.

Thị trường nội địa

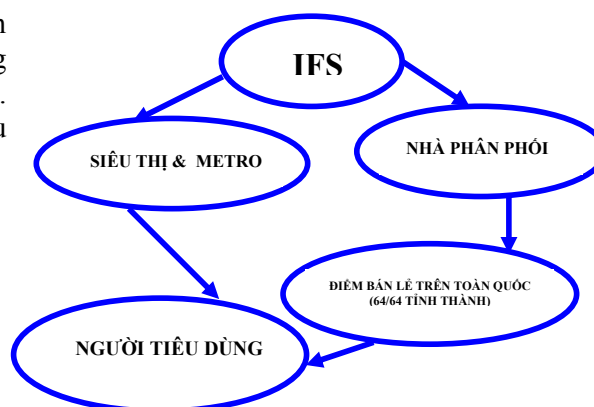
Doanh thu nội địa chiếm hơn 94% tổng doanh thu của Công ty và là thị trường chính trong chiến lược phát triển kinh doanh của Công ty. Sản phẩm được phân phối đến người tiêu dùng thông qua hai kênh:

Truyền thống

Nhà phân phối → điểm bán lẻ → người tiêu dùng.

Hiện đại

Siêu thị và Metro → người tiêu dùng



Thị trường xuất khẩu:

Doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ lệ khoảng 5% tổng doanh thu của Công ty. Thị trường xuất khẩu chính của Công ty là các nước khu vực Châu Á, Úc, Mỹ, Canada, ...

Ngoài việc duy trì và mở rộng kinh doanh với khách hàng hiện tại, Công ty còn tích cực khai thác thị trường mới ở các nước khác nhau và khu vực. Công ty thường xuyên gửi các nhà quản lý của mình đi khảo sát các nhu cầu tiêu dùng của khách hàng ở nước ngoài để hiểu rõ hơn về tình hình thị trường và phát triển mối quan hệ tốt với khách hàng. Hơn nữa, công ty đã tham gia các Hội chợ thương mại ngành công nghiệp và triển lãm quốc tế để quảng cáo sản phẩm.

Cổ tức

Do những sự kiện đã xảy ra không lường trước, chúng ta đã gặp phải một năm đầy khó khăn dẫn đến kết quả kinh doanh không như mong muốn. Hội đồng quản trị có ý định không chi trả cổ tức cho năm 2008 vì mục tiêu củng cố và đảm bảo Công ty luôn phát triển bền vững.

11. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN

11.1. Dự án đã thực hiện

- Sự kiện nổi bật trong năm 2008: Sau khi cân nhắc đánh giá cẩn thận vì lợi ích tốt nhất của công ty Hội đồng Quản trị đã quyết định bán 70% vốn góp đang nắm giữ tại công ty TNHH Bao Bì Thực Phẩm Quốc Tế cho công ty Crown Packaging Investment Pte Ltd. Một công ty được thành lập và đang hoạt động theo pháp luật của nước Cộng hoà Singapore. Các giao dịch liên quan đến việc chuyển nhượng này đã được hoàn thành trong năm 2009 và IPL được đổi tên thành Crown Beverage Cans (Đồng Nai) Limited Sau khi hoàn tất việc chuyển nhượng, IPL sẽ là một công ty liên kết với 20% cổ phần phổ thông nắm giữ bởi công ty Interfood. Đồng thời một phần của các giao dịch liên quan đến việc chuyển nhượng này là vốn điều lệ của Crown Đồng Nai đã được tăng từ 10 triệu USD đến 15 triệu USD, Công ty thực hiện việc góp vốn bổ sung trực tiếp từ tiền thu của việc bán cổ phần cho Crown. Phần còn lại của tiền thu được dùng để trả nợ vay ngân hàng còn nợ của Công ty.

11.2. Chiến lược phát triển năm 2009

Mục tiêu của Công ty là tối đa hóa giá trị của cổ đông và theo đuổi chiến lược phát triển kinh doanh dựa trên những yếu tố chủ lực của năm 2009 sau:

- Để mở rộng phạm vi sản phẩm của chúng tôi bằng cách phát triển sản phẩm mới;
- Để tăng cường lợi nhuận và khả năng cạnh tranh bằng cách thực hiện một kế hoạch tiết kiệm chi phí nhưng chất lượng sản phẩm vẫn không đổi đồng thời kết hợp với việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm;
- Để củng cố mạng lưới phân phối chúng tôi hỗ trợ nhà phân phối về nhân sự có nhiều kinh nghiệm về lĩnh vực nước giải khát để họ có sự hợp tác gắn bó với công ty;
- Để tăng thị phần chúng tôi thâm nhập vào các thị trường mà IFS có thị phần chưa cao, đặt biệt là tại các thị trường mới và thị trường nông thôn;
- Để thúc đẩy hình ảnh của thương hiệu chúng tôi phát triển và tiếp thị dòng sản phẩm mới là trà các loại có lợi cho sức khoẻ được thiết kế bao bì nhựa (PET chai); và
- Đầu tư vào con người bằng cách đào tạo và giữ chân nhân tài qua việc Người lao động được đảm bảo thu nhập và việc làm. đời sống vật chất và tinh thần luôn được nâng cao để họ yên tâm công tác và phát huy được tính sáng tạo, chủ động trong công việc.

Hơn nữa, trong năm 2009, Công ty sẽ tái cấu trúc nguồn vốn và các khoản nợ để tăng hiệu suất dòng tiền và tài sản. Công ty sẽ tiếp tục tìm cách giảm bớt khoản vay ngắn hạn bằng cách chuyển đổi phần nợ ngắn hạn thành trung hạn; và thương lượng với các nhà đầu tư chiến lược về các cổ phiếu mới sẽ được phát hành bởi công ty. Những chiến lược này sẽ trùng với các chính sách của Chính phủ để giảm lãi suất, và kết quả sẽ được phản ánh trong báo cáo tài chính của năm 2009 và năm 2010.

Ngoài ra, trong nửa cuối năm 2009, công ty sẽ ngừng hoạt động tại nhà máy Biên Hòa. Một phần của máy móc, thiết bị sẽ được chuyển tới nhà máy chính tại Long Thành, trong khi phần còn lại sẽ được chuyển về phía Bắc tiếp tục dự án ở Miền Bắc. Sự kiện này sẽ không ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty trong năm 2009 và các năm tiếp theo, vì điều này đã được Công ty lập kế hoạch và chuẩn bị triển khai từ trước. Chi tiết về sự kiện này có thể được tìm thấy trên trang web của công ty.

12. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH NĂM 2009

Mã Số	Chỉ tiêu	2009	2009	2008	2008
		USD	Triệu đồng	USD	Triệu đồng
1	Doanh thu bán hàng	57.109.854	967.441	52.291.527	887.753
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	(3.271.035)	-55.411	-3.298.256	-55.994
10	Doanh thu thuần về bán hàng	53.838.819	912.030	48.993.271	831.759
11	Giá vốn hàng bán	(41.619.371)	-705.032	-46.504.631	-789.509
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng	12.219.448	206.997	2.488.640	42.250
21	Doanh thu hoạt động tài chính	400.180	6.779	760.842	12.917
22	Chi phí tài chính	-2.499.756	-42.346	-3.609.186	-61.273
24	Chi phí bán hàng	-4.301.444	-72.866	-4.059.488	-68.918
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	-1.914.600	-32.433	-3.316.088	-56.297
30	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.903.828	66.131	-7.735.280	-131.321
40	(Lỗ)/thu nhập khác	-2.288.663	-38.770	-10.173.421	-172.714
50	Tổng (lỗ)/lợi nhuận thuần kế toán trước thuế	1.615.165	27.361	-17.908.701	-304.035
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành		0	-95.236	-1.617
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		0	2.337.065	39.676
60	(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN	1.615.165	27.361	-15.666.872	-265.976

13. MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH VỀ HOẠT ĐỘNG SXKD:

13.1. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ trước	Kỳ này
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản cố định / tổng tài sản	%	75,00	85,00
	- Tài sản lưu động / tổng tài sản	%	25,00	15,00
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	60,00	86,00
	- Nguồn vốn Chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	40,00	14,00
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,690	0,044
	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	0,250	0,150
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Tổng tài sản	%	7,76	(25,76)
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	9,00	(34,25)
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn Chủ sở hữu	%	17,91	(186,33)

13.2. CẤU TRÚC CỔ ĐÔNG

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Số lượng cổ phần	%	Số lượng cổ phần	%	Số lượng cổ phần	%
Tổng số cổ phiếu						
1. Cổ đông Nhà nước	-	0,00%	-	0,00%	-	0,00%
- Cổ đông ủy quyền	-		-		-	0,00%
- Cổ đông được cấp	-		-		-	0,00%
- Cổ đông khác	-		-		-	0,00%
2. Cổ đông đặc biệt	12.120	0,04%	24.267.417	83,28%	24.279.537	83,32%
- Cổ đông Hội đồng quản trị	12.000	0,04%			12.000	0,04%
- Ban giám đốc					-	0,00%
- Ban kiểm soát	120	0,00%	1.200	0,00%	1.320	0,00%
- Cổ đông khác (CĐ sáng lập)			24.266.217	83,27%	24.266.217	83,27%
3. Cổ đông trong Công ty	-	0,00%	-	0,00%	-	0,00%
- Cổ phiếu quỹ					-	0,00%
- Cổ đông ưu đãi					-	0,00%
4. Cổ đông thường	3.682.036	12,64%	1.179.411	4,05%	4.861.447	16,68%
Tổng cộng	3.694.156	12,68%	25.446.828	87,32%	29.140.984	100,00%

13.3. CẤU TRÚC CỔ PHIẾU VÀ CỔ ĐÔNG CỔ CỔ PHIẾU NIÊM YẾT

CẤU TRÚC CỔ ĐÔNG CỔ CỔ PHIẾU NIÊM YẾT

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Giá trị	Tỷ lệ % /Giá trị cổ phiếu niêm yết	Giá trị	Tỷ lệ % /Giá trị cổ phiếu niêm yết	Giá trị	Tỷ lệ % /Giá trị cổ phiếu niêm yết
1. Cổ đông Nhà nước	-		-		-	
- Cổ đông ủy quyền	-		-		-	
- Cổ đông được cấp	-		-		-	
- Cổ đông khác	-		-		-	
2. Cổ đông đặc biệt	121.200.000	0,18%	20.017.920.000	29,12%	20.139.120.000	29,29%
- Cổ đông Hội đồng quản trị	120.000.000	0,17%			120.000.000	0,17%
- Ban giám đốc					-	
- Ban kiểm soát	1.200.000	0,00%	12.000.000	0,02%	13.200.000	0,02%
- Cổ đông khác (CĐ sáng lập)			20.005.920.000	29,10%	20.005.920.000	29,10%
3. Cổ đông trong Công ty	-	0	-	0	-	0
- Cổ phiếu quỹ					-	
- Cổ đông ưu đãi					-	
4. Cổ đông thường	36.820.360.000	53,55%	11.794.110.000	17,15%	48.614.470.000	70,71%
Tổng cộng	36.941.560.000	53,73%	31.812.030.000	46,27%	68.753.590.000	100,00%

CẤU TRÚC CỔ PHIẾU NIÊM YẾT

Cổ đông	Số cổ phần	Tỷ trọng(%)
Cổ phần của cổ đông là thành viên HĐQT, Ban giám đốc, Ban KS	13.320	0,19%
Cổ phần của cổ đông sáng lập được phép chuyển nhượng	2.000.592	29,10%
Cổ đông khác	4.861.447	70,71%
Tổng:	6.875.359	100,0%

Trên đây là cơ cấu cổ đông đến thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 28/08/2009 tỉ lệ nắm giữ cổ phiếu của các thành phần cổ đông vẫn không thay đổi từ khi cổ phiếu của công ty bắt đầu niêm yết tại trung tâm giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Các sự kiện khác liên quan đến báo cáo thường niên được trình bày trong báo cáo tóm tắt và báo cáo của kiểm toán 2008 đính kèm.

**Thay mặt Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Chủ tịch Hội Đồng quản trị**

PANG TEE CHIANG